

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 25/5/2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vi Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hà Thị Lệ Thu.**

2. Ông **Vi Thanh Cầm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vi Thị Diệu** - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Dư** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Hoàng Văn S** - sinh năm 1977. Có mặt

Trú tại: Thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn

Bị đơn: Ông **Hoàng Văn T** - sinh năm 1971. Có mặt

Trú tại: Thôn N1, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện P - Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Minh T1**. Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường huyện P (*Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện P*). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Bà **Hoàng Thị T** - sinh năm 1977. Có mặt

Trú tại: Thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà **Hoàng Thị Đ**- sinh năm 1972. Có mặt

Trú tại: Thôn N1, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Đ là ông Hoàng Văn T
(Giấy ủy quyền ngày 27/3/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Sầm Văn K- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn.
Có mặt

Người phiên dịch cho bà Hoàng Thị Đ: Bà Dương Thị T1

Trú tại: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Hoàng Văn K1 - Trú tại: thôn N1, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.
Vắng mặt

- Ông Ma Văn T2 - Trú tại: thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

- Ông Hoàng Văn C - Trú tại: thôn N1, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

- Ông Hoàng Văn H - Trú tại: thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Văn S trình bày:

Năm 2004, ông làm đơn và được UBND xã G giao cho quản lý khu đất tại Khuổi Chảng, thôn N, xã G để sử dụng vào mục đích khoanh nuôi bảo vệ rừng (đất lâm nghiệp). Phần đất khi đó giao không có tranh chấp, là bãi đất hoang để chăn thả trâu bò của thôn, cây cỏ mọc tự nhiên, trước và tại thời điểm năm 2004 không có ai canh tác. Năm 2007, ông Hoàng Văn T trú tại thôn N1, xã G đến khu đất của ông được giao đắp bờ làm ruộng diện tích 4.300m² vì ông T cho rằng đây là đất của bố mẹ ông T khai phá làm nương rẫy để lại. Tranh chấp xảy ra đã được UBND huyện P và UBND tỉnh Bắc Kạn giải quyết và công nhận gia đình ông có quyền sử dụng phần đất tranh chấp là 4.300 m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 2. Năm 2009 gia đình ông được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên Hoàng Văn S và Hoàng Thị T thửa số 4, tờ bản đồ số 2 với tổng diện

tích là 95.595m². Năm 2017 khi ông phát thực bì để chuẩn bị trồng xoan thì ông T tiếp tục ngăn cản, không cho phát, cùng thời gian này ông T đưa máy xúc vào san ủi đắp bờ để cải tạo thành ruộng, diện tích khoảng hơn 2.000m². Tổng diện tích tranh chấp khoảng hơn 6000 m² được chia thành 2 khu khác nhau nhưng đều nằm trong thửa số 4, tờ bản đồ số 2. Ông không nhất trí nên đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không hoà giải được. Nay ông khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông T phải trả lại cho ông phần đất tranh chấp năm 2017 diện tích khoảng hơn 2.000m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 2 địa chỉ Khuổi Chàng, thôn N, xã G, huyện P mà ông đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với phần đất trên. Trong thời gian tranh chấp, anh T đã san ủi làm thay đổi hiện trạng thửa đất nhưng ông không yêu cầu Tòa án buộc anh T phải khắc phục lại hiện trạng như ban đầu.

Bị đơn ông Hoàng Văn T trình bày

Khu đất Khuổi Chàng, thôn N xã G mà hiện nay ông và ông Hoàng Văn S đang tranh chấp nằm trong thửa số 4, tờ bản đồ số 2 trước khi giao cho hộ gia đình ông S quản lý và sử dụng năm 2004 là đất nương rẫy ót của ông cha ông khai phá từ năm 1983. Năm 1989, ông không có ruộng nên đã đến khu đất trên để canh tác trồng ngô, trồng lúa cạn, trồng sắn, gia đình ông canh tác liên tục, không bỏ hoang năm nào. Đến đầu năm 2017, do muốn mở rộng thêm diện tích đất ruộng nên ông đã đưa máy xúc vào san ủi. Đang thi công thì bị chính quyền địa phương buộc dừng vì cho rằng phần đất này đã nằm trong diện tích đất được cấp giấy chứng nhận QSD cho hộ ông S.

Nay ông Hoàng Văn S khởi kiện yêu cầu ông phải trả lại phần đất tranh chấp năm 2017 diện tích khoảng hơn 2.000m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 2. Ông không nhất trí, vì đó là đất nương rẫy ót của ông cha ông để lại, ông đã có thời gian canh tác và sử dụng nên ông phải được tiếp tục canh tác và sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Tại văn bản số 205 /UBND – TNMT ngày 22/3/2018 của UBND huyện P và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Diện tích đất thuộc thửa số 4 tờ bản đồ số 2 thuộc sự quản lý của UBND xã G, năm 2004 hộ anh Hoàng Văn S có đơn xin giao đất lâm nghiệp UBND xã đã tiến hành các thủ tục giao đất cho hộ anh Hoàng Văn S, hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất. Khi giao, có biên bản giao đất ngoài thực địa nhưng không có Quyết định giao đất và đến năm 2009 mới cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ anh Hoàng Văn S và Hoàng Thị T. Đất được giao là để khoanh nuôi, bảo vệ.

Về nguồn gốc đất trước khi giao năm 2004 UBND huyện không nắm được, trình tự thủ tục cấp quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bà Hoàng Thị T trình bày:

Năm 2004, chồng bà là ông Hoàng Văn S làm đơn xin giao đất lâm nghiệp và được giao đất tại Khuổi Chàng, thôn N, xã G với tổng diện tích là 95.595m² thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 2 để sử dụng với mục đích khoanh nuôi, bảo vệ rừng. Năm 2009, gia đình bà được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận QSD đối với tổng diện tích đất được giao. Năm 2007 xảy ra tranh chấp giữa gia đình bà với ông Hoàng Văn T đã được UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành quyết định công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Đến năm 2017 ông T lại tiếp tục đưa máy xúc vào san ủi trên diện tích đất mà gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Nay bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S yêu cầu ông T trả lại cho gia đình bà diện tích đất mà ông T đang cải tạo, canh tác, công nhận gia đình bà được quyền sử dụng diện tích đất trên.

Bà Hoàng Thị Đ trình bày:

Năm 1989 khi về chung sống với ông T bà đã được cải tạo, canh tác trên diện tích đất tranh chấp, cùng ông T đắp bờ làm ruộng, trồng ngô, sắn, lúa cạn liên tục, không có thời gian bỏ hoang đất. Năm 2017, chồng bà đưa máy xúc vào san ủi để tạo thành ruộng bà cũng biết. Nay bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S vì gia đình bà đã sử dụng ổn định đất từ trước đến nay nên gia đình bà phải được tiếp tục canh tác và sử dụng

Người làm chứng:

Ông Hoàng Văn K1, Ông Ma Văn T2, ông Hoàng Văn C trình bày

Khu đất Khuổi Chàng, thôn N xã G mà hiện nay ông T và ông S đang tranh chấp trước khi giao cho hộ gia đình ông S quản lý và sử dụng năm 2004 là đất nương rẫy ót của ông cha ông T khai phá từ rất lâu, năm nào không nhớ. Sau đó thấy ông T canh tác trồng ngô, trồng lúa cạn, trồng sắn, việc gia đình ông T có canh tác liên tục không, các ông không rõ.

Ông Hoàng Văn H trình bày:

Ông là trưởng thôn N từ năm 1991 đến năm 2013. Năm 2004 khi có chủ trương giao đất giao rừng cho các hộ gia đình quản lý xã, huyện có chủ trương là đất của thôn nào thì giao cho người thôn đó quản lý sử dụng, về nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do ông cha ông Hoàng Văn T khai phá từ năm 1994 canh tác trồng ngô, lúa nhưng sau đó đã bỏ không làm nữa, trước và tại thời điểm năm

2004 là đất nương ốt bỏ hoang, không có ai quản lý sử dụng nên khi hộ ông S làm đơn xin đo giao, xã mới tiến hành đo đạc để giao cho ông S khoanh nuôi bảo vệ vì phần đất trên thuộc quy hoạch rừng cần khoanh nuôi bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần đất tranh chấp là thửa đất số 4 tờ bản đồ số 2 diện tích 2.388,5m² được giới hạn bởi các điểm mốc 12,13,14,15,16 có toạ độ như sau:

Điểm mốc 12 có toạ độ X: 2503639,44; Y:410509,84

Điểm mốc 13 có toạ độ X: 2503567,40; Y:410540,31

Điểm mốc 14 có toạ độ X: 2503559,30; Y:410507,38

Điểm mốc 15 có toạ độ X: 2503578,21; Y:410507,25

Điểm mốc 16 có toạ độ X: 2503629,22; Y:410492,74

Hiện trạng thửa đất gồm 2 thửa ruộng được san ủi từ tháng 5/2017, trên đất không trồng cây gì, khu vực xung quanh khu đất tranh chấp có các cây cỏ tạp, cây bụi.

Tòa án cũng đã mở phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các đương sự thực hiện quyền tiếp cận chứng cứ, các đương sự đều nhất trí không có ý kiến gì về tài liệu chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, các đương sự không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ, triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên toà.

Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án tuy nhiên các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S, buộc ông Hoàng Văn T phải trả lại phần đất tranh chấp cho hộ ông S sử dụng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S, ông

Hoàng Văn S được quyền sử dụng đất đang tranh chấp thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 2 tại thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị T quản lý sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Hoàng Văn S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ông Hoàng Văn T phải trả lại diện tích 2.388,5m² thuộc thửa đất số 4 tờ bản đồ số 2 tại thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn và quá trình giải quyết Tòa án phải xem xét tính hợp pháp của việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 676 982 của UBND huyện P, tỉnh Bắc Kạn cấp cho ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị Thu ngày 24/4/2009 đối với thửa đất số 4 tờ bản đồ số 2. Do vậy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 26, Điều 34/Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32/ Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất:

Theo lời khai của ông Hoàng Văn T thì khu đất Khuổi Chảng, thôn N, xã G trước khi giao cho hộ gia đình ông S quản lý và sử dụng năm 2004 là đất nương rẫy ót của ông cha ông khai phá từ năm 1983. Năm 1989, ông không có ruộng nên đã đến khu đất trên để canh tác trồng ngô, trồng lúa cạn, trồng sắn, gia đình ông canh tác liên tục, không bỏ hoang năm nào nhưng theo ông Hoàng Văn S thì phần đất tranh chấp trước và tại thời điểm năm 2004 là bãi đất hoang để chăn thả trâu bò của thôn, cây cỏ mọc tự nhiên, không có ai canh tác.

Hội đồng xét xử thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn T không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để khẳng định phần đất trên có nguồn gốc là do gia đình ông khai phá do vậy không có căn cứ để khẳng định nguồn gốc thửa đất trên là của hộ ông Hoàng Văn T. Về quá trình sử dụng đất lời khai của ông T có nhiều mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T khai canh tác liên tục, không bỏ hoang năm nào nhưng tại (bút lục 42) ông T khai canh tác năm 1989, sau đó bỏ hoang năm 1998 đắp bờ để làm ruộng sau đó tiếp tục bỏ hoang đến năm 2007. Lời khai của ông T tại bút lục 42 phù hợp với lời khai của ông Hoàng Văn S là phần đất tranh chấp trước và tại thời điểm

năm 2004 là bãi đất hoang để chăn thả trâu bò của thôn, cây cỏ mọc tự nhiên, không có ai canh tác phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Hoàng Văn H là năm 1994 ông T canh tác trồng ngô, lúa nhưng sau đó đã bỏ không làm nữa, trước và tại thời điểm năm 2004 là đất nương ót bỏ hoang, không có ai quản lý sử dụng, phù hợp với kết quả xem xét thẩm định là trên đất không có cây gì, khu vực xung quanh khu đất tranh chấp chỉ có các cây cỏ tạp, cây bụi. Do vậy có căn cứ khẳng định ông T có canh tác và sử dụng đất nhưng không liên tục, bỏ hoang nhiều năm, sử dụng đất không hiệu quả.

[2.1] Quá trình kê khai và cấp quyền sử dụng đất:

Hội đồng xét xử thấy: Năm 2004 khi UBND huyện có chủ trương giao đất giao rừng cho hộ gia đình cá nhân quản lý để khoanh nuôi bảo vệ rừng hộ gia đình ông S đã làm đơn đề nghị được giao đất lâm nghiệp, xét thấy đất bỏ hoang không ai canh tác hơn nữa đơn đề nghị của ông S phù hợp với chủ trương của UBND xã, UBND huyện là đất của thôn nào thì giao cho người thôn đó quản lý sử dụng, ông S là người dân cư trú tại thôn N, phần đất tranh chấp có địa chỉ tại thôn N nên UBND xã đã tiến hành họp xét và giao thửa đất số 4 tờ bản đồ số 2 cho hộ cho ông S để khoanh nuôi bảo vệ, năm 2007 ông T tranh chấp một phần diện tích của thửa đất số 4 tờ bản đồ số 2, tranh chấp đã được UBND huyện P và UBND tỉnh giải quyết. Tại quyết định số 485/ QĐ- CTUB ngày 14/7/2008 của UBND huyện P và quyết định số 401/ QĐ- UBND ngày 02/3/2009 của UBND tỉnh Bắc Kạn đã công nhận ông S có quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 4300m² thuộc thửa đất số 4 tờ bản đồ số 2. Năm 2009 UBND huyện P trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của UBND xã G đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 676982 thửa đất số 4 tờ bản đồ số 2 cho ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị T. Đối với ông Hoàng Văn T trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông thừa nhận biết rõ chủ trương giao đất giao rừng do UBND xã triển khai nhưng ông không đăng ký, khi UBND xã tiến hành các thủ tục để cấp quyền sử dụng đất cho ông S đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 2 ông cũng không có ý kiến gì. Từ những phân tích trên khẳng định ông S có quyền sử dụng diện tích đất 2.388,5 m² đất tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 2. Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông S về việc buộc ông T phải trả lại phần đất có diện tích 2.388,5 m² đất thuộc thửa số 4 tờ bản đồ số 2 là có căn cứ. Cần chấp nhận

[2.3] Xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 676982 thửa đất số 4 tờ bản đồ số 2 cho ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị T:

Hội đồng xét xử thấy: Thửa đất có nguồn gốc do hộ gia đình ông T khai phá nhưng ông T đã bỏ hoang nhiều năm, không canh tác sử dụng đất liên tục. Năm

2004 khi có chủ trương giao đất lâm nghiệp hộ ông S đã làm đơn xin giao đất lâm nghiệp, ông T không làm đơn xin giao đất. Xét việc giao đất không chồng chéo, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, phù hợp với chủ trương của xã, huyện là đất của thôn nào thì giao cho người thôn đó quản lý sử dụng nên UBND xã đã giao đã xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S. Sau khi họp xét UBND xã đã tiến hành công khai tại trụ sở UBND xã danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có hộ ông S, quá trình công khai hộ ông T không có ý kiến gì. Do vậy khẳng định việc xét cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông S đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 2 là đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết UBND huyện P cũng khẳng định trình tự thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho hộ Ông S, bà T đối với thửa đất số 4 tờ bản đồ số 2 là đúng quy định của pháp luật

Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Viện kiểm sát thấy có căn cứ. Cần chấp nhận.

Về án phí dân sự: Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Hoàng Văn S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 147, Điều 157/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 32/Luật tố tụng hành chính. Điều 26/Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 163, Điều 164, Điều 166 BLDS năm 2015; Điều 166, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S.

2. Buộc ông Hoàng Văn T phải trả lại phần đất có diện tích 2.388,5m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 2 tại khuổi Chàng, thôn N, xã G, huyện P cho hộ ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị T sử dụng

Ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị T có quyền sử dụng diện tích đất 2.388,5m² thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 2 số sổ AG 676982. Thửa đất được giới hạn bởi các điểm mốc có tọa độ như sau:

+ Điểm mốc 12 có tọa độ X: 2503639,44; Y: 410509,84.

- + Điểm mốc 13 có tọa độ X: 2503567,40; Y: 410540,31.
- + Điểm mốc 14 có tọa độ X: 2503559,30; Y: 410507,38.
- + Điểm mốc 15 có tọa độ X: 2503578,21; Y: 410507, 25.
- + Điểm mốc 16 có tọa độ X: 2503629, 22; Y: 410492,74.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

3. Về án phí:

Ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Hoàng Văn S 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 01838 ngày 19/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

4. Về chi phí tố tụng:

Ông Hoàng Văn S tự nguyện chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông S đã nộp tại Tòa án, xác nhận ông S đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho biết các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn
- Các đương sự
- Cục THA tỉnh
- Chi cục THA huyện P
- Lưu HS
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai